UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG
Số: 594/QĐ-ĐHTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Đồng Tháp, ngày 11 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về mức thu; quản lý thu, sử dụng học phí và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 886/QĐ-ĐHTG ngày 10 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 132/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tiền Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐT ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tiền Giang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-ĐHTG ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định về mức thu; quản lý thu, sử dụng học phí và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí của Trường Đại học Tiền Giang;

Căn cứ Biên bản họp ngày 03 thàng 8 năm 2026 của Trường Đại học Tiền Giang về việc xác định mức thu học phí một tín chỉ năm học 2026-2027 của Trường Đại học Tiền Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về mức thu; quản lý thu, sử dụng học phí và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 886/QĐ-ĐHTG ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang, như sau:

1. **Sửa đổi khoản 1, Điều 2** Quy định về mức thu; quản lý thu, sử dụng học phí và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí của Trường Đại học Tiền Giang, như sau:

"1. Cách quy đổi học phí tín chỉ

Mức thu học phí của một tín chỉ được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học theo khối ngành; nhóm ngành, nghề đào tạo và tổng số tín chỉ toàn khóa theo công thức dưới đây:

$$\text{Học phí/tín chỉ} = \frac{\text{Tổng học phí toàn khóa}}{\text{Tổng số tín chỉ toàn khóa}}$$

Công thức quy đổi đối với mức thu học phí năm học 2026-2027:

$$\text{Học phí/tín chỉ} = \frac{\text{Tổng học phí năm học 2026-2027}}{\text{Tổng số tín chỉ toàn khóa/ số năm đào tạo}}$$

2. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 1, điểm a khoản 2, Điều 2 Quy định về mức thu; quản lý thu, sử dụng học phí và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí của Trường Đại học Tiền Giang như sau:

"2. Đối với hệ chính quy

a) Trình độ đại học

- Mức học phí năm học 2026 - 2027, cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/tín chỉ

TT Khối ngành	**Tên ngành**	**Mã ngành**	**Mức thu học phí năm học 2026-2027**
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	714	
1.1	*Đại học sư phạm khóa 22 trở về trước*	*7140202, 7140217, 7140209*	*522*
3	Kinh doanh và quản lý, pháp luật	734, 738	
3.1	*Đại học Kế toán tổng hợp từ khóa 22 trở về trước*	*7340301*	*518*

TT Khối ngành	Tên ngành	Mã ngành	Mức thu học phí năm học 2026-2027
3.2	*Đại học Kế toán tổng hợp 23*	*7340301*	*522*
3.3	*Đại học Kế toán tổng hợp 24*	*7340301*	*522*
3.4	*Đại học Kế toán tổng hợp 25*	*7340301*	*515*
3.5	*Đại học Kế toán tổng hợp 26*	*7340301*	*518*
3.6	*Đại học Quản trị kinh doanh tổng hợp từ khóa 22 trở về trước*	*7340101*	*518*
3.7	*Đại học Quản trị kinh doanh tổng hợp 23*	*7340101*	*526*
3.8	*Đại học Quản trị kinh doanh tổng hợp 24*	*7340101*	*526*
3.9	*Đại học Quản trị kinh doanh tổng hợp 25*	*7340101*	*515*
3.10	*Đại học Quản trị kinh doanh tổng hợp 26*	*7340101*	*518*
3.11	*Đại học Tài chính-Ngân hàng từ khóa 22 trở về trước*	*7340201*	*522*
3.12	*Đại học Tài chính-Ngân hàng 23*	*7340201*	*522*
3.13	*Đại học Tài chính-Ngân hàng 24*	*7340201*	*522*
3.14	*Đại học Tài chính-Ngân hàng 25*	*7340201*	*518*
3.15	*Đại học Tài chính-Ngân hàng 26*	*7340201*	*522*
3.16	*Đại học Luật từ khóa 22 trở về trước*	*7380101*	*518*
3.17	*Đại học Luật 23*	*7380101*	*534*
3.18	*Đại học Luật 24*	*7380101*	*534*
3.19	*Đại học Luật 25*	*7380101*	*518*
3.20	*Đại học Luật 26*	*7380101*	*518*
4	Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	742, 744	
4.1	*Đại học Công nghệ sinh học từ khóa 22 trở về trước*	*7420201*	*559*

TT Khối ngành	Tên ngành	Mã ngành	Mức thu học phí năm học 2026-2027
4.2	*Đại học Công nghệ sinh học 23*	*7420201*	*563*
4.3	*Đại học Công nghệ sinh học 24*	*7420201*	*563*
4.4	*Đại học Công nghệ sinh học 25*	*7420201*	*555*
4.5	*Đại học Công nghệ sinh học 26*	*7420201*	*559*
5	Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764	
5.1	*Đại học Công nghệ thông tin từ khóa 22 trở về trước*	*7480201*	*605*
5.2	*Đại học Công nghệ thông tin 23*	*7480201*	*610*
5.3	*Đại học Công nghệ thông tin 24*	*7480201*	*610*
5.4	*Đại học Công nghệ thông tin 25*	*7480201*	*601*
5.5	*Đại học Công nghệ thông tin 26*	*7480201*	*605*
5.6	*Đại học Công nghệ kỹ thuật xây dựng từ khóa 22 trở về trước*	*7510103*	*601*
5.7	*Đại học Công nghệ kỹ thuật xây dựng 23*	*7510103*	*610*
5.8	*Đại học Công nghệ kỹ thuật xây dựng 24*	*7510103*	*610*
5.9	*Đại học Công nghệ kỹ thuật xây dựng 25*	*7510103*	*597*
5.10	*Đại học Công nghệ kỹ thuật xây dựng 26*	*7510103*	*601*
5.11	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ khí từ khóa 22 trở về trước*	*7510201*	*592*
5.12	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ khí 23*	*7510201*	*610*
5.13	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ khí 24*	*7510201*	*610*
5.14	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ khí 25*	*7510201*	*588*

TT Khối ngành	Tên ngành	Mã ngành	Mức thu học phí năm học 2026-2027
5.15	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ khí 26*	*7510201*	*592*
5.16	*Đại học Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá từ khóa 22 trở về trước*	*7510303*	*592*
5.17	*Đại học Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá 23*	*7510303*	*610*
5.18	*Đại học Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá 24*	*7510303*	*610*
5.19	*Đại học Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá 25*	*7510303*	*588*
5.20	*Đại học Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá 26*	*7510303*	*592*
5.21	*Đại học Vi mạch bán dẫn 26*	*7510303*	*592*
5.22	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử từ khóa 22 trở về trước*	*7510203*	*592*
5.23	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 23*	*7510203*	*610*
5.24	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 24*	*7510203*	*610*
5.25	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 25*	*7510203*	*597*
5.26	*Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 26*	*7510203*	*592*
5.27	*Đại học Công nghệ thực phẩm từ khóa 22 trở về trước*	*7540101*	*592*
5.28	*Đại học Công nghệ thực phẩm 23*	*7540101*	*610*
5.29	*Đại học Công nghệ thực phẩm 24*	*7540101*	*610*
5.30	*Đại học Công nghệ thực phẩm 25*	*7540101*	*588*
5.31	*Đại học Công nghệ thực phẩm 26*	*7540101*	*592*
5.32	*Đại học Bảo vệ thực vật từ khóa 22 trở về trước*	*7620112*	*592*

TT Khối ngành	Tên ngành	Mã ngành	Mức thu học phí năm học 2026-2027
5.33	*Đại học Bảo vệ thực vật 23*	*7620112*	*610*
5.34	*Đại học Bảo vệ thực vật 24*	*7620112*	*610*
5.35	*Đại học Bảo vệ thực vật 25*	*7620112*	*588*
5.36	*Đại học Bảo vệ thực vật 26*	*7620112*	*592*
5.37	*Đại học Nuôi trồng thuỷ sản từ khóa 22 trở về trước*	*7620301*	*605*
5.38	*Đại học Nuôi trồng thuỷ sản 23*	*7620301*	*610*
5.39	*Đại học Nuôi trồng thuỷ sản 24*	*7620301*	*610*
5.40	*Đại học Nuôi trồng thuỷ sản 25*	*7620301*	*601*
5.41	*Đại học Nuôi trồng thuỷ sản 26*	*7620301*	*605*
5.42	*Đại học Chăn nuôi từ khóa 22 trở về trước*	*7620105*	*610*
5.43	*Đại học Chăn nuôi 23*	*7620105*	*610*
5.44	*Đại học Chăn nuôi 24*	*7620105*	*610*
5.45	*Công nghệ kỹ thuật ô tô 26*	*7510205*	*543*
5.46	*Kỹ thuật điện 26*	*7520201*	*543*
5.47	*Đại học Thú y 26*	*7640101*	*564*
7	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	722, 731, 732,776, 781, 784, 785	
7.1	*Đại học Du lịch từ khóa 22 trở về trước*	*7810101*	*549*
7.2	*Đại học Du lịch 23*	*7810101*	*557*
7.3	*Đại học Du lịch 24*	*7810101*	*557*
7.4	*Đại học Du lịch 25*	*7810101*	*545*

TT Khối ngành	Tên ngành	Mã ngành	Mức thu học phí năm học 2026-2027
7.5	*Đại học Du lịch 26*	*7810101*	*549*
7.6	*Đại học Kinh tế từ khóa 22 trở về trước*	*7310101*	*553*
7.7	*Đại học Kinh tế 23*	*7310101*	*557*
7.8	*Đại học Kinh tế 24*	*7310101*	*557*
7.9	*Đại học Kinh tế 25*	*7310101*	*549*
7.10	*Đại học Kinh tế 26*	*7310101*	*553*
7.11	*Đại học Văn hoá học từ khóa 22 trở về trước*	*7229040*	*553*
7.12	*Đại học Văn hoá học 23*	*7229040*	*557*
7.13	*Đại học Văn hoá học 24*	*7229040*	*557*
7.14	*Đại học Văn hoá học 25*	*7229040*	*549*
7.15	*Đại học Văn hoá học 26*	*7229040*	*553*
8	Lĩnh vực khác (ngành ghép, liên ngành)	790	Bằng mức trung bình cộng học phí của các ngành nêu trên có trong ngành ghép, liên ngành

”

3. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 1, điểm b khoản 2, Điều 2 Quy định về mức thu; quản lý thu, sử dụng học phí và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí của Trường Đại học Tiền Giang như sau:

“b) Trình độ cao đẳng

- Mức học phí năm học 2026 - 2027, cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/tín chỉ

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Mức thu học phí năm học 2026-2027
1	Giáo dục và đào tạo	428

”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2026-2027.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên và Trưởng các đơn vị thuộc trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KHTC.

Q.HIỆU TRƯỞNG



Lê Minh Tùng